

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MAI SƠN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 116/2021/HNGĐ-ST
Ngày 12 tháng 5 năm 2021
V/v xin ly hôn, nghĩa vụ nuôi
con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Văn Thịnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phùng Quốc Quân.

2. Ông Nguyễn Đức Việt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Duyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Đình Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 103/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 03 năm 2021 về việc xin ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2021/QĐXX-ST ngày 28 tháng 4 năm 2021:

- Nguyên đơn: Chị Ứng Thị H, sinh năm 1980. Địa chỉ: Bản C, xã Ch, S, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Phạm Thế T, sinh năm 1975. Địa chỉ: Bản C, xã Ch, S, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Hiện đang cai nghiện bắt buộc tại cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Sơn La. Vắng mặt có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 02 năm 2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Ứng Thị H trình bày như sau:

Chị và anh Phạm Thế T kết hôn với nhau từ năm 1996 do cả hai cùng tự nguyện. Anh chị có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Ch, S, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La vào ngày 10/12/1996. Sau khi kết hôn, hai anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 3 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T cờ bạc, mắc vào tệ nạn xã hội năm 2007 anh T bị bắt đi cai nghiện tại trung tâm cai nghiện huyện Mai Sơn, khi được về anh T cũng không tu trí làm ăn, đến năm 2010 anh T lại bị Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La xử phạt hai năm tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy, năm 2013 anh T về lại tái nghiện, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cuộc sống gia đình không

hạnh phúc, bản thân chị và gia đình đã nhiều lần động viên, khuyên nhủ nhưng anh T không bỏ được ma túy mà ngày càng lấn sâu. Sau đó anh chị đã sống ly thân từ năm 2013 cho tới nay, trong suốt thời gian ly thân chị nhận thấy không thể tiếp tục chung sống với anh T được nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Phạm Thế Mạnh, sinh ngày 22/12/1997 và cháu Phạm Tuấn Khanh, sinh ngày 14/11/2006. Hiện nay cháu Mạnh đã đủ tuổi trưởng thành, chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Khanh cho tới khi cháu trưởng thành, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Chị H xác nhận không có tài sản chung, về nợ chung chị đã tự giải quyết xong. Nay không đề nghị Tòa án xem xét.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 6 tháng 4 năm 2021, bị đơn anh Phạm Thế T trình bày:

Anh T xác định anh và chị H kết hôn từ năm 1996, hoàn toàn tự nguyện không ai bị ép buộc, anh chị có đi đăng ký kết hôn, được pháp luật công nhận và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn anh chị chung sống cũng hạnh phúc nhưng sau đó anh mắc vào tệ nạn xã hội nghiện ma túy và phải đi chấp hành án phạt tù và cai nghiện bắt buộc, đây là nguyên nhân mâu thuẫn, anh cũng đã cố gắng vun vén tình cảm vợ chồng nhưng chị H không chấp nhận, giận dỗi bỏ đi. Nguyện vọng của anh mong hàn gắn tình cảm vợ chồng và muốn được gặp chị H để nói chuyện, không nhất trí ly hôn.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Phạm Thế Mạnh, sinh ngày 22/12/1997 và cháu Phạm Tuấn Khanh, sinh ngày 14/11/2006. Hiện nay cháu Mạnh đã đủ tuổi trưởng thành và cháu Khanh vẫn còn đang đi học. Hiện nay anh đang đi cai nghiện bắt buộc không có đủ điều kiện để chăm sóc cháu Khanh nhưng khi đi cai về anh cũng mong muốn được chăm sóc cháu Khanh.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh T xác nhận anh chị không có tài sản chung và nợ chung của vợ chồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, con chung, tài sản chung và nợ chung của vợ chồng chị H và anh T tại địa phương nơi anh chị cư trú. Qua xác minh xác định: Chị H và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đi đăng ký kết hôn theo quy định và có được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn hai anh chị chung sống tại bản Cang, xã Chiềng Sung, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Nguyên nhân dẫn đến chị H có đơn xin ly hôn là do anh T nghiện ma túy, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay.

Tại văn bản ghi ý kiến của con chung chưa thành niên trên 07 tuổi, cháu Phạm Tuấn Khanh có nguyện vọng được ở với mẹ là chị Ứng Thị H sau khi bố mẹ ly hôn.

Sau khi những người tham gia tố tụng phát biểu tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đường lối giải quyết vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Đối với nguyên đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa ngày hôm nay nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét tất cả các ý kiến của những người tham gia phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 56; Điều 60, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 228, Điều 238; Điều 147 Điều 266 Bộ Luật Tố Tụng Dân sự năm 2015; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử theo hướng: Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Ứng Thị H và anh Phạm Thế T. Về con chung: Giao cháu Phạm Tuấn Khanh, sinh ngày 14/11/2006 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục cho tới khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H do chị H không yêu cầu. Về tài sản chung và nợ chung anh chị xác nhận không có tài sản chung cũng như nợ chung của vợ chồng. Nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị H phải chịu nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Ứng Thị H về việc xin ly hôn, nghĩa vụ nuôi con chung với anh Phạm Thế T. Anh T có nơi cư trú tại bản Cang, xã Chiềng Sung, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn thụ lý vụ án hôn nhân và gia đình về việc xin ly hôn, nuôi con chung là đúng quy định của pháp luật.

[1.2] Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn hiện đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc và có yêu

cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng.

[2]. Về yêu cầu xin ly hôn:

[2.1] Về hôn nhân:

Chị Ứng Thị H và anh Phạm Thế T kết hôn với nhau từ năm 1996, anh chị đã được UBND xã Chiềng Sung, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 10/12/1996. Khi kết hôn hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, do đó anh chị là vợ chồng hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh T nghiện ma túy, nhiều lần bị Tòa án áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc và chấp hành án phạt tù. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay không còn quan tâm đến nhau. Chị H xác nhận tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn với anh T. Anh T không muốn ly hôn và mong được đoàn tụ và không nhất trí ly hôn theo yêu cầu của chị H. Hội đồng xét xử xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị H, anh T mâu thuẫn đã rất trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H, xử cho chị H được ly hôn với anh T.

[2.2] Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Phạm Thế Mạnh, sinh ngày 22/12/1997 và cháu Phạm Tuấn Khanh, sinh ngày 14/11/2006. Hiện nay cháu Mạnh đã đủ tuổi trưởng.

Đối với cháu Phạm Tuấn Khanh chị H, anh T đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng chăm cháu, nhưng do hiện nay anh T đang đi cai nghiện bắt buộc không có điều kiện để nuôi con. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung chưa thành niên của vợ chồng khi ly hôn. Hội đồng xét xử thấy cần giao cháu Khanh cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận việc chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án chị H và anh T đều xác nhận không có tài sản chung cũng như nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp và có người khởi kiện thì sẽ được giải quyết ở một vụ án khác.

[2.5] Về án phí: Chị Ứng Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 266, 147; Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Các Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Ứng Thị H và anh Phạm Thế T.

2. Về con chung: Chị Ứng Thị H và anh Phạm Thế T 02 con chung Phạm Thế Mạnh, sinh ngày 22/12/1997 và cháu Phạm Tuấn Khanh, sinh ngày 14/11/2006. Cháu Phạm Thế Mạnh đã đủ tuổi trưởng thành. Giao cháu Phạm Tuấn Khanh cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H do chị H không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, anh T được quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật; không ai được quyền ngăn cản anh T thực hiện quyền này theo quy định của Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị H và anh T xác nhận trong thời kỳ hôn nhân không có tài sản chung cũng như nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và có người khởi kiện thì sẽ được Tòa án xem xét giải quyết ở một vụ án khác.

4. Về án phí: Chị Ứng Thị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/00001898 ngày 01 tháng 03 năm 2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nông Văn Thịnh

